

Bồi dưỡng năng lực sáng tạo nghệ thuật cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non: Cơ sở lý luận và giải pháp thực tiễn

¹Nguyễn Phương Bình

¹Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Hải Dương

Email: Phuongbinhdhd@gmail.com

Ngày nhận bài: 09/8/2025

Ngày chấp nhận đăng: 21/8/2025

Tóm tắt - Sáng tạo nghệ thuật là một thành tố thiết yếu trong năng lực nghề nghiệp của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non (GDMN), không chỉ giúp nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động giáo dục nghệ thuật cho trẻ mà còn góp phần phát triển tư duy thẩm mỹ, sự nhạy cảm và khả năng truyền cảm hứng của người giáo viên. Bài báo này tập trung làm rõ cơ sở lý luận về năng lực sáng tạo nghệ thuật, phân tích thực trạng và những rào cản trong quá trình bồi dưỡng năng lực này ở sinh viên GDMN. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp có tính hệ thống nhằm phát triển năng lực sáng tạo nghệ thuật một cách bền vững và phù hợp với đặc trưng nghề nghiệp giáo viên Mầm non trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

Từ khóa - Sáng tạo nghệ thuật, năng lực nghề nghiệp, giáo dục mầm non, đào tạo sinh viên, tư duy thẩm mỹ.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong hệ thống Giáo dục Mầm non hiện đại, nghệ thuật không chỉ giữ vai trò là một lĩnh vực giáo dục độc lập mà còn là phương tiện thiết yếu để phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ. Thông qua các hoạt động tạo hình, âm nhạc, múa, kể chuyện sáng tạo..., trẻ mầm non được nuôi dưỡng cảm xúc, rèn luyện tư duy thẩm mỹ, phát triển trí tưởng tượng và khả năng biểu đạt cá nhân. Chính vì vậy, người giáo viên Mầm non không chỉ cần có kiến thức và kỹ năng tổ chức hoạt động nghệ thuật, mà quan trọng hơn, họ cần có năng lực sáng tạo nghệ thuật - một thành tố không thể thiếu trong năng lực nghề nghiệp.

Tuy nhiên, thực tiễn đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học hiện nay cho thấy: phần lớn sinh viên ngành Giáo dục Mầm non còn hạn chế về khả năng sáng tạo trong lĩnh vực nghệ thuật. Họ thường lệ thuộc vào khuôn mẫu, thiếu tự tin khi triển khai các hoạt động mang tính biểu cảm, hoặc còn ngần ngại trước những tình huống sư phạm đòi hỏi sự linh hoạt trong ứng dụng nghệ thuật. Một số nguyên nhân phổ biến bao gồm: tư duy nghệ thuật chưa được nuôi dưỡng đúng cách từ bậc phổ thông, chương trình đào tạo còn thiên về kỹ thuật mà thiếu trải nghiệm nội tâm, và chưa có cơ chế đánh giá khuyến khích sự đột phá cá nhân trong sáng tạo.

Trong bối cảnh giáo dục đang hướng đến sự đổi mới theo hướng cá thể hóa, tích hợp liên ngành và nuôi dưỡng

cảm xúc, việc bồi dưỡng năng lực sáng tạo nghệ thuật cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non là yêu cầu cấp thiết, vừa mang tính chất chuyên môn sâu, vừa có ý nghĩa nhân văn rộng lớn. Không có năng lực nghệ thuật đích thực, giáo viên Mầm non khó có thể truyền cảm hứng, dẫn dắt và hỗ trợ trẻ phát triển năng lực thẩm mỹ một cách tự nhiên và hiệu quả.

Từ những vấn đề trên, bài báo tập trung phân tích cơ sở lý luận của năng lực sáng tạo nghệ thuật trong đào tạo giáo viên Mầm non, đồng thời làm rõ những rào cản từ thực tiễn và đề xuất hệ thống giải pháp khả thi nhằm phát triển năng lực này cho sinh viên - hướng tới hình thành đội ngũ giáo viên Mầm non giàu cảm xúc, bản lĩnh nghề nghiệp và tư duy thẩm mỹ phù hợp với yêu cầu giáo dục trong thế kỷ XXI.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ NĂNG LỰC SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT

2.1. Khái niệm và cấu trúc của năng lực sáng tạo nghệ thuật

Sáng tạo nghệ thuật là một hình thức biểu hiện đặc thù của năng lực sáng tạo - nơi cá nhân không chỉ tái hiện thực tại mà còn tái cấu trúc thế giới thông qua lăng kính cảm xúc, trí tưởng tượng và tư duy thẩm mỹ. Trong lĩnh vực giáo dục và tâm lý học, năng lực sáng tạo nghệ thuật được định nghĩa như một tổ hợp các phẩm chất và kỹ năng cho phép cá nhân sản sinh ra sản phẩm nghệ thuật mang tính mới mẻ, biểu cảm, có giá trị thẩm mỹ và dấu ấn cá nhân. Khác với sáng tạo kỹ thuật, nơi tính logic và tính ứng dụng chiếm ưu thế, sáng tạo nghệ thuật thiên về sự tự do nội tại, khả năng liên tưởng linh hoạt và chiều sâu cảm xúc.

Theo nhiều nghiên cứu của Guilford (1950), Torrance (1974), Eisner (2002) và Gardner (1983), năng lực sáng tạo nghệ thuật có cấu trúc đa chiều, bao gồm các thành tố cơ bản sau:

- **Năng lực cảm thụ thẩm mỹ:** Là khả năng tiếp nhận, rung cảm và đánh giá cái đẹp trong các hình thức nghệ thuật khác nhau như hình ảnh, âm thanh, chuyển động, chất liệu... Đây là nền tảng để người học phát triển thị hiếu nghệ thuật và tư duy thẩm mỹ cá nhân.

- *Trí tưởng tượng sáng tạo*: Là khả năng hình dung, tái cấu trúc hoặc biến đổi các hình ảnh, biểu tượng, âm thanh... nhằm tạo nên sản phẩm nghệ thuật mới lạ. Trí tưởng tượng là "cầu nối" giữa trải nghiệm và biểu hiện, giữa thực tại và thế giới nghệ thuật được sáng tạo.

- *Tư duy hình tượng và tư duy liên tưởng*: Là khả năng suy nghĩ bằng hình ảnh, biểu tượng thay vì logic tuyến tính; giúp cá nhân hình thành ý tưởng nghệ thuật thông qua liên kết biểu cảm, cảm xúc và biểu tượng tiềm thức.

- *Kỹ năng biểu đạt nghệ thuật*: Là khả năng sử dụng thành thạo các phương tiện nghệ thuật (hình khối, màu sắc, âm thanh, chất liệu, động tác...) để thể hiện ý tưởng, cảm xúc và chủ đề một cách rõ nét, sáng tạo và có tính cá nhân.

- *Tinh linh hoạt và độc đáo*: Biểu hiện qua khả năng tạo ra nhiều phương án thể hiện khác nhau cho một chủ đề và lựa chọn cách biểu đạt mang tính đột phá, không rập khuôn, không lệ thuộc vào mẫu sẵn có.

Từ góc độ giáo dục, năng lực sáng tạo nghệ thuật không phải là một năng khiếu bẩm sinh dành riêng cho một số cá nhân ưu tú, mà là một năng lực tiềm ẩn ở mỗi người, có thể được khơi dậy, phát triển và hoàn thiện thông qua môi trường học tập tích cực, phương pháp giảng dạy phù hợp và sự trải nghiệm thực hành có ý nghĩa. Đặc biệt trong đào tạo giáo viên mầm non, năng lực này không chỉ giúp sinh viên phát triển cá tính thẩm mỹ cá nhân, mà còn là phương tiện giáo dục giàu hiệu quả trong việc tổ chức các hoạt động nghệ thuật cho trẻ nhỏ.

2.2. Đặc trưng của năng lực sáng tạo nghệ thuật của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non

Năng lực sáng tạo nghệ thuật, khi đặt trong bối cảnh đào tạo sinh viên ngành GDMN, mang những đặc trưng riêng biệt, vừa mang tính phổ quát của sáng tạo nghệ thuật nói chung, vừa gắn liền với tính chất sự phạm đặc thù của nghề giáo viên Mầm non. Ở đây, nghệ thuật không chỉ là phương tiện thể hiện cảm xúc cá nhân mà còn là công cụ giáo dục, phương tiện phát triển toàn diện cho trẻ nhỏ. Do đó, năng lực sáng tạo nghệ thuật của sinh viên ngành GDMN cần được nhìn nhận trong mối quan hệ đa chiều giữa nghệ thuật, sự phạm và tâm lý lứa tuổi.

Thứ nhất, năng lực sáng tạo nghệ thuật của sinh viên ngành GDMN có tính hướng đích sự phạm cao. Sản phẩm nghệ thuật của họ không chỉ dừng ở việc thể hiện bản thân mà còn phải phục vụ cho việc giáo dục trẻ em - tức là vừa đảm bảo tính biểu cảm cá nhân, vừa phù hợp với nhận thức, cảm xúc và khả năng tiếp nhận nghệ thuật của trẻ Mầm non. Điều này đòi hỏi sinh viên phải biết điều chỉnh biểu đạt nghệ thuật để trở nên gần gũi, dễ hiểu và giàu tính tương tác với trẻ.

Thứ hai, năng lực sáng tạo nghệ thuật ở sinh viên ngành GDMN gắn liền với khả năng tổ chức môi trường nghệ thuật cho trẻ. Khác với nghệ sĩ sáng tác cá nhân, sinh

viên ngành GDMN cần biết chuyển hóa ý tưởng nghệ thuật thành hoạt động giáo dục có mục tiêu rõ ràng, có quy trình hợp lý và phương pháp phù hợp. Việc tổ chức một giờ tạo hình, một tiết âm nhạc hay một trò chơi kể chuyện đòi hỏi sinh viên không chỉ có ý tưởng mà còn có khả năng truyền cảm hứng và làm chủ không gian giáo dục.

Thứ ba, sáng tạo nghệ thuật trong đào tạo GDMN mang tính linh hoạt và tích hợp cao. Một sản phẩm nghệ thuật trong môi trường mầm non thường không thuần túy thuộc về một lĩnh vực mà là sự kết hợp giữa tạo hình - kể chuyện - vận động - âm nhạc... Do đó, sinh viên cần phát triển tư duy liên ngành, khả năng ứng biến linh hoạt và tư duy thiết kế giáo dục nghệ thuật mang tính tích hợp.

Thứ tư, năng lực sáng tạo nghệ thuật ở sinh viên ngành GDMN gắn với khả năng biểu đạt cảm xúc và sự nhạy cảm thẩm mỹ. Trẻ nhỏ học bằng cảm xúc và hành động, do đó giáo viên phải là người có khả năng cảm thụ nghệ thuật tinh tế, biết cách truyền cảm xúc qua từng chi tiết, từ giọng kể, nét vẽ đến màu sắc, hình khối... Đây là chiều sâu tinh thần cần được rèn luyện song song với kỹ năng thực hành.

Tóm lại, năng lực sáng tạo nghệ thuật trong đào tạo sinh viên ngành GDMN không chỉ là sự thể hiện năng khiếu cá nhân, mà là một năng lực tích hợp, bao gồm cả cảm thụ, tư duy, kỹ năng sự phạm và khả năng tương tác thẩm mỹ. Bồi dưỡng năng lực này là điều kiện nền tảng để sinh viên trở thành những người giáo viên mầm non giàu cảm xúc, sáng tạo và có khả năng nuôi dưỡng tâm hồn nghệ thuật ở trẻ thơ.

3. THỰC TRẠNG NĂNG LỰC SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT Ở SINH VIÊN GDMN

3.1. Thiếu chủ động trong tư duy sáng tạo và biểu đạt cá nhân

Một bộ phận không nhỏ sinh viên có biểu hiện thụ động trong quá trình sáng tạo nghệ thuật. Họ thường tiếp cận hoạt động nghệ thuật theo hướng sao chép khuôn mẫu, thiếu khả năng chuyển hóa ý tưởng thành biểu đạt cá nhân. Trong một bài thực hành học phần "Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non", nhiều sinh viên sử dụng mẫu tranh in sẵn trên mạng để thiết kế giờ học cho trẻ, dẫn đến sản phẩm rập khuôn, thiếu cảm xúc và không phù hợp với thực tiễn lớp học.

Ví dụ, trong một buổi học tổ chức hoạt động "vẽ chân dung người thân", thay vì khuyến khích trẻ vẽ theo cảm xúc, một nhóm sinh viên đã yêu cầu trẻ tô màu vào hình in sẵn khuôn mặt mẹ với hai bím tóc và áo dài. Khi được hỏi, sinh viên giải thích: "Làm vậy cho đẹp và dễ chấm điểm". Điều này cho thấy sinh viên chưa phân biệt được sự khác nhau giữa kỹ thuật tạo hình và tính biểu cảm trong sáng tạo nghệ thuật, đồng thời còn lệ thuộc vào tiêu chí "đúng, đẹp" một cách hình thức.

3.2. Thiếu trải nghiệm nghệ thuật có chiều sâu và mang tính khám phá

Sinh viên ngành GDMN hiện nay vẫn còn hạn chế trong việc tiếp cận nghệ thuật một cách chủ động và đa dạng. Phần lớn kiến thức nghệ thuật được tiếp nhận qua sách giáo trình hoặc hướng dẫn của giảng viên, ít có điều kiện trải nghiệm nghệ thuật thực tế như tham quan bảo tàng, tham dự triển lãm, xem biểu diễn múa rối, nghệ thuật dân gian, hoặc tương tác với nghệ sĩ.

Một khảo sát nhỏ tại một trường đại học địa phương cho thấy: 78% sinh viên năm cuối chưa từng đến một triển lãm tranh; 64% chưa từng tiếp xúc trực tiếp với nghệ sĩ; và hơn 85% chỉ biết đến các tác phẩm tạo hình qua hình ảnh trên PowerPoint trong các bài giảng. Thiếu vắng trải nghiệm nghệ thuật thực tế khiến sinh viên nghèo vốn biểu tượng, kém trực giác thẩm mỹ, khó hình dung các hình thức nghệ thuật phong phú để thiết kế hoạt động phù hợp cho trẻ.

3.3. Áp lực đánh giá khuôn mẫu và rào cản tâm lý sáng tạo

Trong môi trường đào tạo còn thiên về kỹ thuật - hình thức, sinh viên thường bị áp lực bởi đánh giá theo chuẩn “đúng mẫu - đúng quy trình”. Sự đổi mới, thể nghiệm nghệ thuật cá nhân đôi khi bị xem là lệch chuẩn, làm sinh viên e ngại mạo hiểm sáng tạo. Điều này vô tình tạo ra tâm lý tự ti: “Em không có năng khiếu nên không dám thử” - một phát biểu phổ biến của nhiều sinh viên khi được yêu cầu sáng tác tranh hay tổ chức hoạt động nghệ thuật không theo mẫu.

Ví dụ thực tế trong một tiết học “kể chuyện sáng tạo bằng hình ảnh”, một sinh viên đã tự thiết kế các nhân vật bằng hình khối trừu tượng và sử dụng cử chỉ để kể chuyện “Cá vàng và mèo con”. Mặc dù sản phẩm thể hiện tư duy độc lập và khả năng chuyển thể sáng tạo, nhưng lại nhận được đánh giá thấp do “hình vẽ chưa đẹp” và “trình bày thiếu rõ ràng”. Điều này cho thấy môi trường đánh giá chưa thực sự khuyến khích sự thể nghiệm - vốn là tiền đề của sáng tạo nghệ thuật.

Tổng kết lại, thực trạng trên cho thấy năng lực sáng tạo nghệ thuật của sinh viên ngành GDMN hiện còn bị giới hạn bởi cả yếu tố chủ quan (tâm lý, tư duy) và khách quan (chương trình đào tạo, môi trường học thuật). Để phát triển năng lực này một cách thực chất, cần có sự thay đổi mạnh mẽ từ cách nhìn nhận sáng tạo nghệ thuật đến phương pháp tổ chức và đánh giá trong đào tạo giáo viên mầm non.

4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT

Trên cơ sở những bất cập trong thực tiễn đào tạo, việc bồi dưỡng năng lực sáng tạo nghệ thuật cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non cần được tiếp cận theo hướng hệ thống, toàn diện và gắn với đặc thù nghề nghiệp. Dưới đây là một số giải pháp mang tính khả thi:

4.1. Thiết kế chương trình nghệ thuật theo hướng trải nghiệm - biểu đạt

Một trong những giải pháp cốt lõi nhằm bồi dưỡng năng lực sáng tạo nghệ thuật cho sinh viên ngành GDMN là tái cấu trúc chương trình đào tạo theo hướng lấy trải nghiệm cá nhân và biểu đạt cảm xúc làm trung tâm. Khác với cách tiếp cận truyền thống vốn thiên về việc truyền thụ kỹ năng kỹ thuật và hình mẫu chuẩn, chương trình nghệ thuật hiện đại cần tạo điều kiện để sinh viên được “sống trong nghệ thuật” - tức là trải nghiệm, khám phá, cảm nhận, và biểu đạt thế giới nội tâm của chính mình thông qua ngôn ngữ nghệ thuật.

Trong cách tiếp cận này, mỗi hoạt động nghệ thuật không đơn thuần là một bài học kỹ năng, mà trở thành một hành trình cá nhân hóa - nơi sinh viên không bị ràng buộc bởi khuôn mẫu có sẵn, mà được khuyến khích thử nghiệm, sai lầm và phát triển ý tưởng độc đáo. Ví dụ, thay vì yêu cầu sinh viên vẽ theo mẫu “con cá”, giảng viên có thể gợi mở đề tài: “Nếu em là một con cá - em sẽ vẽ mình như thế nào?”; hoặc: “Hãy kể về một ngày buồn của con cá qua hình ảnh”. Những đề tài như vậy cho phép sinh viên khai thác vốn biểu tượng cá nhân, phát huy trí tưởng tượng và kết nối cảm xúc với sản phẩm nghệ thuật.

Ngoài ra, chương trình cần kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động trải nghiệm và phân tư sáng tạo. Sau mỗi hoạt động nghệ thuật, sinh viên cần được hướng dẫn phân tích: mình đã sáng tạo thế nào, ý tưởng đến từ đâu, cảm xúc khi tạo ra sản phẩm là gì, sản phẩm có thể ứng dụng gì trong dạy trẻ mầm non... Chính quá trình phân tư này giúp định hình tư duy nghệ thuật có chiều sâu và nuôi dưỡng sự phát triển liên tục của năng lực sáng tạo.

Quan trọng hơn cả, chương trình nghệ thuật cho sinh viên ngành GDMN cần khẳng định một nguyên lý then chốt: giá trị của nghệ thuật không nằm ở sự hoàn hảo kỹ thuật, mà nằm ở tính chân thực của cảm xúc, chiều sâu ý tưởng và khả năng chạm tới cảm nhận của người khác. Đó cũng là tinh thần mà một người giáo viên mầm non cần truyền tải khi tổ chức các hoạt động nghệ thuật cho trẻ nhỏ - nơi mỗi đứa trẻ đều có quyền sáng tạo và được tôn trọng trong biểu đạt cá nhân.

4.2. Lồng ghép giáo dục cảm xúc và khám phá nội tâm trong giảng dạy nghệ thuật

Giáo dục nghệ thuật không chỉ nhằm phát triển kỹ năng biểu hiện mà còn giữ vai trò quan trọng trong việc nuôi dưỡng đời sống cảm xúc và khơi dậy năng lực khám phá nội tâm. Đối với sinh viên ngành GDMN, việc trải nghiệm và biểu đạt cảm xúc thông qua nghệ thuật không chỉ giúp họ hiểu chính mình sâu sắc hơn, mà còn là tiền đề để họ có thể đồng cảm và hỗ trợ trẻ mầm non phát triển cảm xúc một cách tinh tế, nhân văn.

Trong thực tiễn giảng dạy, nhiều sinh viên thường có xu hướng “tách biệt” giữa nghệ thuật và cảm xúc cá nhân. Họ vẽ, kể chuyện, múa... một cách kỹ thuật, nhưng thiếu chiều sâu biểu cảm. Do đó, cần có sự định hướng rõ ràng trong chương trình đào tạo, trong đó nhấn mạnh nghệ

thuật như một kênh cảm xúc - nơi người học được gọi mở, dẫn dắt để kết nối với thế giới bên trong của bản thân.

Một số hoạt động có thể tích hợp hiệu quả yếu tố cảm xúc - nội tâm như:

- *Vẽ giấc mơ tuổi thơ*: giúp sinh viên nhớ lại và tái hiện những trải nghiệm sâu sắc, làm giàu vốn biểu tượng cá nhân.
- *Kể chuyện từ cảm giác* (Ví dụ: kể một câu chuyện dựa trên nỗi sợ, niềm vui hay ký ức mơ hồ) để sinh viên học cách biểu đạt cảm xúc bằng hình ảnh và ngôn từ nghệ thuật.
- *Tạo hình theo âm nhạc hoặc mùi hương*: phát huy trí tưởng tượng cảm xúc, liên kết các giác quan trong sáng tạo.

Đặc biệt, việc phản tư sau hoạt động nghệ thuật là vô cùng cần thiết. Sinh viên cần được khuyến khích viết lại cảm xúc của mình sau mỗi sản phẩm: “Tôi đã cảm thấy gì?”, “Tôi có điều gì chưa thể nói bằng lời?”, “Tác phẩm này nói gì về tôi?”... Những hoạt động này không chỉ làm phong phú biểu hiện nghệ thuật, mà còn giúp sinh viên rèn luyện năng lực tự nhận thức và chấp nhận cảm xúc - kỹ năng nền tảng trong giáo dục cảm xúc cho trẻ mầm non.

Bằng việc lồng ghép cảm xúc và nội tâm vào quá trình học tập nghệ thuật, sinh viên ngành GDMN sẽ hình thành được năng lực nhìn nghệ thuật như một tấm gương phản chiếu tâm hồn, đồng thời biết cách xây dựng các hoạt động giáo dục nghệ thuật giúp trẻ được lắng nghe, chia sẻ và phát triển cảm xúc lành mạnh ngay từ lứa tuổi đầu đời.

4.3. Mở rộng trải nghiệm nghệ thuật thực tế và tăng cường kết nối liên ngành

Một trong những rào cản lớn đối với sự phát triển năng lực sáng tạo nghệ thuật của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non là sự thiếu hụt trải nghiệm nghệ thuật có chiều sâu và thiếu cơ hội tiếp xúc với thực hành nghệ thuật đa dạng. Nhiều sinh viên học nghệ thuật chủ yếu thông qua lý thuyết hoặc mô phỏng kỹ năng trong phạm vi lớp học, dẫn đến tư duy nghệ thuật nghèo nàn, khuôn mẫu và thiếu cảm hứng. Để khắc phục thực trạng này, việc mở rộng trải nghiệm nghệ thuật thực tế là điều kiện tiên quyết nhằm làm giàu vốn biểu tượng, kích hoạt cảm xúc thẩm mỹ và khơi mở trí tưởng tượng của sinh viên.

Việc tổ chức cho sinh viên tham quan bảo tàng mỹ thuật, phòng tranh, không gian nghệ thuật cộng đồng, sân khấu múa rối truyền thống, hoặc trải nghiệm nghệ thuật dân gian như tranh Đông Hồ, múa rối nước, nghệ thuật tuồng, chèo... giúp sinh viên tiếp cận với những di sản nghệ thuật sống động, từ đó nâng cao năng lực cảm thụ và biết cách chuyển hóa giá trị nghệ thuật truyền thống vào hoạt động giáo dục cho trẻ.

Không chỉ dừng lại ở tiếp cận, sinh viên cần được tạo cơ hội tham gia thực hành nghệ thuật cùng nghệ sĩ, tham gia dự án nghệ thuật cộng đồng, hoặc thực hiện các tác

phẩm nhóm với chủ đề mở gắn với môi trường sống. Chẳng hạn, sinh viên có thể cùng nhau xây dựng triển lãm nhỏ về chủ đề “Sắc màu tuổi thơ”, “Trái đất xanh” bằng các vật liệu tái chế, vừa rèn luyện kỹ năng nghệ thuật, vừa phát triển năng lực thiết kế giáo dục tích hợp môi trường.

Bên cạnh đó, năng lực sáng tạo nghệ thuật trong bối cảnh giáo dục hiện đại không thể tách rời khỏi tư duy liên ngành. Sinh viên ngành GDMN cần được hướng dẫn kết nối nghệ thuật với các lĩnh vực khác như khoa học, ngôn ngữ, giáo dục môi trường, công nghệ... Ví dụ: tổ chức hoạt động vẽ tranh theo chủ đề hiện tượng tự nhiên (mây, mưa, cầu vồng), kể chuyện bằng mô hình tạo hình, thiết kế sách tranh tương tác... Những hình thức tích hợp này không chỉ giúp sinh viên sáng tạo linh hoạt, mà còn phù hợp với xu thế dạy học tích hợp trong Chương trình giáo dục mầm non hiện hành.

Tóm lại, việc tạo lập hệ sinh thái trải nghiệm nghệ thuật đa dạng, liên ngành và mang tính khám phá sẽ giúp sinh viên phát triển năng lực sáng tạo nghệ thuật một cách thực chất, đồng thời nâng cao khả năng thiết kế môi trường giáo dục thẩm mỹ - nhân văn cho trẻ mầm non trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

4.4. Sử dụng phương pháp giảng dạy kích hoạt sáng tạo

Phương pháp giảng dạy giữ vai trò quyết định trong việc hình thành và phát triển tư duy sáng tạo nghệ thuật cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non. Để khơi mở khả năng sáng tạo tiềm ẩn trong mỗi cá nhân, cần thay thế lối dạy học thuần kỹ thuật, nặng tính mô phỏng bằng những phương pháp **kích hoạt sự khám phá, tư duy hình tượng và biểu đạt cá nhân**. Giảng dạy nghệ thuật trong đào tạo giáo viên Mầm non không thể chỉ là “truyền nghề”, mà phải là quá trình cùng sinh viên kiến tạo trải nghiệm, khơi dậy cảm hứng và nuôi dưỡng trí tưởng tượng.

Các phương pháp giảng dạy kích hoạt sáng tạo nổi bật có thể áp dụng hiệu quả trong chương trình bao gồm:

- **Phương pháp học qua dự án nghệ thuật (Art-based Projects)**: Sinh viên được giao nhiệm vụ thiết kế một hoạt động nghệ thuật hoàn chỉnh cho trẻ Mầm non theo chủ đề mở, ví dụ: “Một thế giới không có màu sắc”, “Chân dung cảm xúc”, “Ngày hội thiên nhiên”... Quá trình thực hiện yêu cầu sinh viên không chỉ sáng tác sản phẩm nghệ thuật mà còn phải tư duy sự phạm, tích hợp liên môn và thuyết minh ý tưởng.

Ví dụ: Trong một học phần “Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non”, một nhóm sinh viên đã thiết kế dự án “Triển lãm cảm xúc” - nơi trẻ được vẽ theo tâm trạng mỗi ngày bằng các chất liệu không truyền thống (bóng bay, cát màu, bông gòn...). Giảng viên không can thiệp vào hình thức trình bày, thay vào đó tổ chức thảo luận để sinh viên phân tích thông điệp giáo dục cảm xúc và ý nghĩa biểu đạt cá nhân của trẻ.

• **Phương pháp kích thích tư duy hình ảnh và liên tưởng (Visual Thinking Strategies - VTS):** Giảng viên sử dụng một hình ảnh, tác phẩm nghệ thuật hoặc biểu tượng làm điểm khởi đầu và đặt ra các câu hỏi mở như: “Bạn thấy điều gì?”, “Điều gì khiến bạn nghĩ vậy?”, “Nếu thêm một chi tiết - điều gì sẽ thay đổi?”...

Ví dụ: Khi dạy bài “Hình tượng trong tranh dân gian Việt Nam”, giảng viên không giảng giải theo kiểu liệt kê đặc điểm tranh Đông Hồ, mà đưa ra bức “Đám cưới chuột”, sau đó cho sinh viên kể câu chuyện bằng hình ảnh, từ đó sinh viên phát hiện ngữ nghĩa biểu tượng và bối cảnh văn hóa của tác phẩm.

• **Phương pháp học bằng chuyển động và âm nhạc (Kinesthetic and Musical Learning):** Nghệ thuật không chỉ học bằng mắt mà còn bằng thân thể và cảm xúc. Giảng viên có thể tổ chức các hoạt động tạo hình theo nhạc, vẽ bằng nhịp chân, hoặc thể hiện “chuyển động của màu sắc”.

Ví dụ minh chứng: Một buổi học sáng tạo “vẽ nhạc” được tổ chức với ba bản nhạc có nhịp điệu khác nhau: bản dân ca nhẹ nhàng, bản rock mạnh mẽ và bản giao hưởng trầm lắng. Sinh viên phải chọn màu, nhịp điệu đường nét và chất liệu phù hợp để “diễn tả âm thanh bằng hình ảnh”. Kết quả cho thấy sự đa dạng phong cách và chiều sâu cảm xúc được thể hiện rõ rệt giữa các sản phẩm - cho thấy khả năng tư duy hình tượng của sinh viên đã được đánh thức.

Điểm cốt lõi của các phương pháp kích hoạt sáng tạo là **trao quyền chủ động cho người học**, chấp nhận sự đa dạng biểu hiện, và coi nghệ thuật là không gian tự do để sinh viên khám phá bản sắc cá nhân. Những phương pháp này không chỉ nâng cao năng lực sáng tạo nghệ thuật, mà còn hình thành ở sinh viên tư duy giáo dục nghệ thuật lấy trẻ làm trung tâm - một tư duy sư phạm tiên tiến, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

4.5. Bồi dưỡng đội ngũ giảng viên nghệ thuật có năng lực dẫn dắt sáng tạo

Đội ngũ giảng viên giữ vai trò then chốt trong việc hình thành và phát triển năng lực sáng tạo nghệ thuật cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non. Không chỉ đơn thuần là người dạy kỹ năng nghệ thuật, giảng viên cần đóng vai trò như một người dẫn dắt sáng tạo - người truyền cảm hứng, khơi gợi nội lực biểu đạt, đồng hành cùng sinh viên trong hành trình khám phá cá tính nghệ thuật của bản thân và khả năng ứng dụng nghệ thuật vào giáo dục trẻ nhỏ.

Tuy nhiên, trong thực tế, nhiều giảng viên vẫn còn bị chi phối bởi cách dạy truyền thống - thiên về kỹ thuật, chú trọng sản phẩm đẹp - đúng - đủ, ít quan tâm đến chiều sâu tư duy nghệ thuật, khả năng cảm thụ và biểu đạt cá nhân của sinh viên. Một số giảng viên chưa được bồi dưỡng thường xuyên về các phương pháp giáo dục nghệ thuật hiện đại, thiếu kiến thức liên ngành (tâm lý sáng tạo, phân tâm học, giáo dục cảm xúc...), dẫn đến việc giảng dạy trở nên khô cứng, thiếu tính gợi mở và phản cảm hứng.

Vì vậy, cần thiết xây dựng chương trình bồi dưỡng chuyên sâu cho giảng viên nghệ thuật, tập trung vào các nội dung sau:

• **Phát triển tư duy giáo dục nghệ thuật hiện đại:** giúp giảng viên chuyển từ vai trò “truyền đạt kỹ năng” sang “dẫn dắt sáng tạo”; hiểu rằng nghệ thuật là quá trình biểu đạt cá nhân hơn là tạo ra sản phẩm đẹp hình thức.

• **Cập nhật phương pháp giảng dạy kích hoạt sáng tạo:** như học qua trải nghiệm nghệ thuật (art-based learning), học qua dự án nghệ thuật tích hợp (art-integrated learning), kỹ thuật phân tư sáng tạo, khai thác biểu tượng cá nhân, phân tích sản phẩm nghệ thuật trẻ em...

• **Rèn luyện năng lực đồng hành cảm xúc và nuôi dưỡng tự do biểu đạt:** giảng viên cần có kỹ năng tạo ra môi trường học an toàn - nơi sinh viên không sợ phán xét khi thể hiện cái tôi nghệ thuật, đồng thời có khả năng đưa ra phản hồi mang tính xây dựng, kích thích tư duy thay vì áp đặt.

• **Thực hành sáng tạo nghệ thuật liên tục:** giảng viên cần duy trì thực hành sáng tạo như một phần của nghề nghiệp, tham gia các dự án nghệ thuật cá nhân hoặc cộng đồng để làm mới tư duy, từ đó truyền cảm hứng thực chất cho sinh viên.

Chỉ khi đội ngũ giảng viên nghệ thuật thực sự “sống với nghệ thuật” và hiểu sâu sắc nghệ thuật như một hình thức phát triển con người toàn diện, thì quá trình bồi dưỡng năng lực sáng tạo nghệ thuật cho sinh viên ngành GDMN mới có thể đạt được hiệu quả thực chất, bền vững.

KẾT LUẬN

Năng lực sáng tạo nghệ thuật không chỉ là một biểu hiện cá nhân mà còn là năng lực nghề nghiệp cốt lõi đối với sinh viên ngành Giáo dục Mầm non - những người sẽ trực tiếp tổ chức, dẫn dắt và khơi dậy đời sống nghệ thuật trong trẻ nhỏ. Sự phát triển của năng lực này không thể diễn ra một cách tự phát, mà đòi hỏi một quá trình đào tạo được thiết kế khoa học, nhân văn và mang tính dẫn dắt sáng tạo.

Những phân tích trong bài viết cho thấy: bên cạnh những cơ hội đổi mới, quá trình bồi dưỡng năng lực sáng tạo nghệ thuật cho sinh viên ngành GDMN hiện còn gặp nhiều rào cản, từ chương trình đào tạo thiên kỹ thuật, môi trường học tập chưa thực sự cởi mở, cho đến tâm lý e dè, tự ti của người học. Vì vậy, việc cải tổ phương pháp, nội dung và cách thức đánh giá trong giảng dạy nghệ thuật là yêu cầu cấp thiết, cần được đặt trong chiến lược phát triển chất lượng nguồn nhân lực sư phạm mầm non.

Các giải pháp đề xuất - từ thiết kế học phần theo hướng trải nghiệm biểu đạt, lồng ghép giáo dục cảm xúc, mở rộng trải nghiệm nghệ thuật thực tế, đổi mới đánh giá, đến bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dẫn dắt sáng tạo - đều nhằm kiến tạo một hệ sinh thái giáo dục nghệ thuật có tính nhân bản, nơi mỗi sinh viên được nuôi dưỡng, thử nghiệm và phát triển bản sắc sáng tạo của chính mình.

Chỉ khi sinh viên ngành Giáo dục Mầm non thực sự được sống với nghệ thuật, học trong môi trường không áp đặt, trải nghiệm nghệ thuật như một hành trình biểu đạt cảm xúc và nhận thức bản thân, họ mới có thể truyền cảm hứng nghệ thuật đến với trẻ em - không phải bằng khuôn mẫu, mà bằng tình yêu, sự đồng cảm và năng lực sáng tạo chân chính.

Đó chính là nền tảng để xây dựng một nền Giáo dục Mầm non giàu tính nghệ thuật, nuôi dưỡng trí tưởng tượng và nhân cách sáng tạo cho thế hệ tương lai.

MỤC LỤC

- [1] Guilford, J. P. (1950). Creativity. *American Psychologist*, 5(9), 444-454.
 - [2] Gardner, H. (1983). *Frames of Mind: The Theory of Multiple Intelligences*. New York: Basic Books.
 - [3] Csikszentmihalyi, M. (1990). *Flow: The Psychology of Optimal Experience*. Harper & Row.
 - [4] Eisner, E. W. (2002). *The Arts and the Creation of Mind*. Yale University Press.
 - [5] McNiff, S. (1998). *Art-Based Research*. Jessica Kingsley Publishers.
 - [6] Lowenfeld, V. & Brittain, W. L. (1987). *Creative and Mental Growth* (8th ed.). Macmillan Publishing.
 - [7] Day, M. D. & Hurwitz, A. (2012). *Children and Their Art: Art Education for Elementary and Middle Schools* (9th ed.). Cengage Learning.
 - [8] Wright, S. (2012). *Children, Meaning-Making and the Arts* (2nd ed.). Pearson Australia.
 - [9] Nguyễn Ánh Tuyết (2018). *Tâm lý học nghệ thuật*. NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
 - [10] Phạm Thị Thúy (2020). Giáo dục cảm xúc cho giáo viên mầm non trong bối cảnh mới. *Tạp chí Giáo dục*, số chuyên đề 3/2020, tr. 18-23.
 - [11] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009). *Chương trình Giáo dục mầm non*. Ban hành kèm theo Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT.
- Trần Thị Kim Oanh (2022). Đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình trong đào tạo sinh viên GDMN. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Mầm non*, số 6, tr. 45-52.